**THỦ TỤC CẤP CĂN CƯỚC CÔNG DÂN (CCCD) TẠI CẤP HUYỆN**

**(Thông tin công dân đã có trong CSDLQG về DC)**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **Trình tự thực hiện** |
| **Bước 1:** - Cách 1: Công dân trực tiếp đến địa điểm làm thủ tục cấp CCCD- Cách 2: Công dân truy cập vào Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục.Đăng nhập tài khoản hoặc tạo tài khoản để thực hiện.Tại giao diện Cổng dịch vụ công, chọn lịch hẹn thu nhận thông tin Căn cước công dân.Tiến hành điền đầy đủ thông tin vào biểu mẫu, đính kèm các file tài liệu cần thiết để đăng ký hồ sơ.Công dân đúng lịch hẹn đến địa điểm làm thủ tục cấp CCCD.**Bước 2:** Nộp hồ sơ đề nghị cấp CCCD tại địa điểm làm thủ tục cấp CCCDCán bộ tiếp công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp CCCD.- Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp CCCD. - Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị công dân xuất trình giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thay đổi để cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ cấp CCCD. **Bước 3:** Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh chân dung của công dân.**Bước 4:** - In Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân cho công dân kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên và cán bộ thu nhận thông tin kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên.- In Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư (nếu có) cho công dân kiểm tra, ký, ghi rõ họ tên.- Thu lệ phí theo quy định (nếu có).- Thu hồi CMND cũ (nếu có).**Bước 5:** Cấp giấy hẹn trả kết quả (nếu công dân có yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ chuyển phát Bưu điện thì hướng dẫn công dân đến gặp nhân viên Bưu điện). |
| **2** | **Cách thức thực hiện** |
| - Trực tiếp tại Bộ phận một cửa Công an cấp huyệnThời gian: Từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày nghỉ lễ, tết).- Trực tuyến: Truy cập vào Cổng dịch vụ công Quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an (<http://dichvucong.bocongan.gov.vn>)- Cấp lưu động tại các địa điểm cần thiết. |
| **3** | **Thành phần hồ sơ** |
| **-** Phiếu thu nhận thông tin Căn cước công dân (Mẫu CC02).- Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh so với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có:+ Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư (Mẫu DC02);+ Các giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thay đổi thông tin công dân. |
| **4** | **Số lượng hồ sơ** |
| 01 (một) bộ. |
| **5** | **Thời hạn giải quyết** |
|  Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| **6** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** |
| Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên. |
| **7** | **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** |
| Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an cấp huyện. |
| **8** | **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** |
| Thẻ Căn cước công dân. |
| **9** | **Lệ phí** |
| \* Công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân lần đầu không phải nộp lệ phí;\* Công dân chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân: **15.000 đồng**/thẻ CCCD (*Áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023).* Công dân chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân: **30.000 đồng**/thẻ CCCD (*Kể từ ngày 01/01/2024 trở đi).* |
| **10** | **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |
| - Phiếu thu nhận thông tin Căn cước công dân (Mẫu CC02);- Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư (Mẫu DC02). |
| **11** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** |
| Không |
| **12** | **Căn cứ pháp lý** |
| **1.** Luật căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20/11/2014.**2.** Nghị định số 137/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.**3.** Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.**4.** Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân, tàng thư Căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**5.** Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân, tàng thư Căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.**6.** Thông tư số 104/2020/TT-BCA ngày 30/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2015/TT-BCA ngày 15/12/2015 quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp quản lý Căn cước công dân, tàng thư Căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 41/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019. **7.** Thông tư số 06/2021/TT-BCA ngày 23/01/2021quy định về mẫu thẻ Căn cước công dân.**8.** Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.**9.** Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 quy định vê trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.**10.** Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân. **11.** Quyết định số 5947/QĐ-BCA-C06 ngày 19/7/2021 của Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý Căn cước công dân và lĩnh vực cấp, quản lý Chứng minh nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an. **12.** Thông tư số 44/2023/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. |